LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN 34 - Từ ngày 02 tháng 05 đến ngày 08 tháng 05 năm 2022)

ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	2														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	15	20212ME6012002	2	25	CTM									1	103A9					T.T.T.Thủy	
2	ĐH	15	20212ME6012003	2	25	CTM					2	103-A9									B.T.Tài	
3	ĐH	15	20212ME6012004	2	25	CTM							1	103-A9							T.N.Quyết	
4	ĐH	15	20212ME6012007	3	25	CTM							3	103-A9							H.X.Khoa	
5	ĐH	15	20212ME6012007	3	25	CTM							2	103-A9							H.X.Khoa	
6	ĐH	15	20212ME6012014	2	25	CTM											3	103-A9			N.T.Dũng	
7	ĐH	15	CNMAY2	3	25	NL-CTM													1	103-A9	B.T.Tài	
8	ĐH	15	CNMAY2	1	25	NL-CTM													2	103-A9	B.T.Tài	
9	ĐH	15	20212ME6049001	1	25	NL-CTM													3	103-A9	H.X.Khoa	
10	ĐH	15	20212ME6049001	1	25	NL-CTM					3	103-A9									H.X.Khoa	
11	ĐH	15	20212ME6049001	1	25	NL-CTM									3	103-A9					H.X.Khoa	
12	ĐH	16	20212ME6058001	2	25	NL-CTM									2	103-A9					B.H.Kiên	
13	ĐH	16	20212ME6058001	3	25	NL-CTM											1	103-A9			B.H.Kiên	
14	ĐH	16	20212ME6058001	3	25	NL-CTM											2	103-A9			B.H.Kiên	
15	CĐ	23	20212ME5032007	1	34	VKT					3	208-A10									T.N. Quyết	
16	CĐ	23	20212ME5032001	2	34	VKT									3	208-A10	3	208-A10			B.T.Tài	
17	CĐ	23	20212ME5032005	2	34	VKT													1	208-A10	N.T.Dũng	
18	CĐ	23	20212ME5032005	2	34	VKT													2	208-A10	N.T.Dũng	
19	ĐH	15	20211ME6031021	1	25	SBVL											1	104-A9			N.T.Dũng	
20	ĐH	15	20211ME6031021	2	25	SBVL											2	104-A9			N.T.Dũng	
21	ĐH	12	202120104102001	1	1	CAD									3	307-A10					N.V.Tuân	
22	ĐH	16	20212ME6041001	1	33	Vật liệu học					2	206 - C8									H.T.Hải	
23	ĐH	16	20212ME6041002	2	32	Vật liệu học							2	206 - C8							Đ.N.Tú	
24	ĐH	16	20212ME6041003	3	33	Vật liệu học							1	206 - C8							Đ.N.Tú	
25	ĐH	16	20212ME6041004	4	31	Vật liệu học															Đ.N.Tú	
26	ĐH	16	20212ME6041005	5	32	Vật liệu học					1	206 - C8									H.T.Hải	
27	ĐH	14	20211ME6025002	6	35	TN MCC					1	310-A10									N.H.Phấn	
28	ĐH	14	20211ME6025002	7	35	TN MCC					2	310-A10									N.H.Phấn	
29	ĐH	14	20211ME6025004	8	35	TN MCC									1	310-A10					N.Đ.Minh	
30	ĐH	14	20211ME6025004	9	35	TN MCC									2	310-A10					N.Đ.Minh	

31	ĐH	15	20211ME6014003	10	35	TH DS&KTĐ					1	311-A10									N.Đ.Minh	
32	ĐH	15	20211ME6014003	11	35	TH DS&KTĐ					2	311-A10									N.Đ.Minh	
33	ĐH	15	20211ME6014013	12	35	TH DS&KTĐ									1	310-A10					N.H.Phấn	
34	ĐH	15	20211ME6014013	13	35	TH DS&KTĐ									2	310-A10					N.H.Phấn	
35	ĐH	15	20211ME6014015	14	35	TH DS&KTĐ													1	310-A10	N.T.Lý	
36	ĐH	15	20211ME6014015	15	35	TH DS&KTĐ													2	310-A10	N.T.Lý	
37	ĐH	15	20211ME6014016	16	35	TH DS&KTĐ											3	310-A10			N.T.Lý	
38	ĐH	15	20211ME6014016	17	35	TH DS&KTĐ											2	310-A10			N.T.Lý	
39	ĐH	15	20212ME6070001	18	30	UDMTTCN							1	306-A10							N.T.Tùng	
40	ĐH	15	20212ME6070001	19	29	UDMTTCN							2	306-A10							N.T.Tùng	
41	ĐH	15	20212ME6071002	20	27	MHH & MPHTCN							1	P306-A10							N. V. Quảng	
42	ĐH	14	20212ME6004001	N1	35	THCADCAM											1	P307-A10			T.V. Long	
43	ĐH	14	20212ME6004001	N2	35	THCADCAM					1	P307-A10									T.V. Long	
44	ĐH	14	20212ME6004002	N1	35	THCADCAM					2	P307-A10									N.V. Cảnh	
45	ĐH	14	20212ME6004004	N1	35	THCADCAM									2	P307-A10					N.V. Quê	
46	ĐH	14	20212ME6004005	N1	35	THCADCAM													1	P307-A10	N.V. Cảnh	
47	ĐH	14	20212ME6004005	N2	35	THCADCAM											2	P307-A10			Đ.M. Hiền	
48	ĐH	14	20212ME6004006	N1	35	THCADCAM													2	P307-A10	Đ.N. Hoành	
49	ĐH	14	20212ME6004006	N2	35	THCADCAM							2	P307-A10							Đ.N. Hoành	
50	ĐH	14	20212ME6004007	N1	35	THCADCAM													3	P307-A10	P.V. Trinh	
51	ĐH	14	20212ME6004007	N2	35	THCADCAM					3	P307-A10									Đ.M. Hiền	
52	ĐH	14	20212ME6004008	N1	35	THCADCAM											3	P307-A10			N.M.Anh	
53	ĐH	14	20212ME6004008	N2	35	THCADCAM									3	P307-A10					N.M.Anh	
54	ĐH	15	20212ME60270006	1	23	TN Nguyên lý cắt													1	108-A9	T.N. Tân	
55	ĐH	15	20212ME60270006	2	23	TN Nguyên lý cắt											2	P108-A9			N.H.Phấn	
56	ĐH	15	20212ME60270006	3	24	TN Nguyên lý cắt											3	P108-A9			T.N. Tân	
57	ĐH	15	20212ME60270007	1	23	TN Nguyên lý cắt											1	P108-A9			T.N. Tân	
58	ĐH	15	20212ME60270007	2	23	TN Nguyên lý cắt													2	P108-A9	T.N. Tân	
59	ĐH	15	20212ME60270007	3	24	TN Nguyên lý cắt													3	P108-A9	N.D. Trinh	
60	ĐH	15	20212ME60270008	1	23	TN Nguyên lý cắt							1	108-A9							N.D. Trinh	
61	ĐH	15	20212ME60270008	2	23	TN Nguyên lý cắt									2	108-A9					T.Q.Hùng	
62	ĐH	15	20212ME60270008	3	24	TN Nguyên lý cắt									3	108-A9					T.Q.Hùng	
63	ĐH	15	20212ME60270009	1	23	TN Nguyên lý cắt									1	108-A9					T.N. Tân	
64	ĐH	15	20212ME60270009	2	23	TN Nguyên lý cắt							2	108-A9							N.T.Lý	
65	ĐH	15	20212ME60270009	3	24	TN Nguyên lý cắt							3	108-A9							N.T.Lý	

66	ĐH	K9	0103149.1	1	1	TH Lý thuyết điều khiển					2	201 - A10									B.H.Anh	
67	ĐH	K15	ME6055.2	1	25	Kỹ thuật TĐH					1	207 - A10									N.Đ.Minh	
68	ĐH	K15	ME6055.2	2	25	Kỹ thuật TĐH					2	207 - A10									N.Đ.Minh	
69	ĐH	K15	ME6055.2	3	24	Kỹ thuật TĐH									1	207 - A10					N.Đ.Minh	
70	ĐH	K15	ME6111.4	1	25	Kỹ thuật Robot					1	201- A10									N.V. Trường	